

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2026

Số:



310432/26

| | |
|-------------------------------------|-----------------|
| TỔNG C. TY CP ĐIỆN TỬ & TIN HỌC V.N | |
| ĐẾN | Số: 137 |
| | Ngày: 03/7/2026 |
| | Chuyên: |
| | Lưu hồ sơ |
| Vào sổ | |

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: pdkkdtdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0100103351

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-------------|
| 1 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử-tự động hoá, điện máy gia dụng và chuyên dùng; - Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; - Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần; | 3290(Chính) |
| 2 | Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin(trừ quảng cáo thuốc lá) | 7310 |
| 3 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Kinh doanh triển lãm; | 8230 |



| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 4 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê; | 6810 |
| 5 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |
| 6 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. - Kinh doanh các thiết bị, sản phẩm linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Buôn bán trang thiết bị, dụng cụ y tế Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 7 | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng | 3250 |
| 8 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. Lắp đặt thiết bị y tế | 3320 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 9 | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV; - Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ - Thẩm định thiết kế xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Kiểm định xây dựng - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu | 7110 |
| 10 | Phá dỡ | 4311 |
| 11 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 12 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 13 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng | 7410 |
| 14 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 15 | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy</p> | 4329 |
| 16 | <p>Sản xuất hóa chất cơ bản</p> <p>(Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính)</p> | 2011 |
| 17 | <p>Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như: Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp. <p>(Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính)</p> | 2029 |

N VI
 G
 KÝ
 ANH
 HÍNH
 NGHĨ
 THÀNH

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 18 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh-truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện; - Xây dựng công trình: Đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW | 4299 |
| 19 | Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước); | 6290 |
| 20 | Dịch vụ đóng gói | 8292 |
| 21 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) | 5510 |
| 22 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản) | 5210 |
| 23 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu | 7499 |
| 24 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP, ngày 18/12/2024) | 4933 |
| 25 | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh | 4772 |
| 26 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá) | 4610 |
| 27 | Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm và trừ hoạt động đấu giá) | 4690 |
| 28 | Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm | 3313 |
| 29 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn hóa chất | 4679 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 30 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi | 4673 |
| 31 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ các loại Nhà nước cấm) | 4620 |
| 32 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao | 2394 |
| 33 | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | 1062 |
| 34 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có khung, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay; - Sản xuất bột mài, hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác | 2399 |

Nơi nhận:

-TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM . Địa chỉ:15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

.....;

- Lưu: Đinh Thị Hồng Nhung.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Hữu Lương

Hanoi, June 25, 2026

No.:



| | |
|--|---------------------|
| VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK CORPORATION | |
| INCOMING | Number: 137 |
| | Date: July 03, 2026 |

**CONFIRMATION
OF CHANGES TO ENTERPRISE REGISTRATION INFORMATION**

BUSINESS REGISTRATION AND CORPORATE FINANCE DIVISION: Hanoi city
Address: Van Ho Multi-agency complex - 52 Le Dai Hanh, Hai Ba Trung ward, Hanoi
city, Vietnam

Tel number 034 38248989 ext 191 Fax number:

Email: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Confirm:

Enterprise Name: VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK
CORPORATION

Enterprise Registration Number: 0100103351

**The enterprise has notified the Business Registration Authority of changes to its
enterprise registration information.**

The enterprise's information has been updated in the National Enterprise Registration
Information System as follows:

| No. | Department Name | Industry code |
|-----|--|------------------|
| 1 | Other manufacturing not classified elsewhere Detail: <ul style="list-style-type: none">- Design, manufacture, assembly, and fabrication of electronic and information technology equipment, systems, components, parts, and structural elements; telecommunications equipment; medical electronics; electronics and automation; and household and specialized electrical appliances.- Manufacturing equipment, products, components, and materials related to the electronics and information technology, telecommunications, medical electronics, and electrical appliance industries;- Manufacturing auxiliary equipment and packaging materials for the business activities of the Corporation. | 3290 (Main) |
| 2 | Advertisement Detail: Advertising and information business (excluding tobacco advertising) | 7310 |

| | | |
|---|--|------|
| 3 | Trade promotion and marketing organization Detail: Exhibition business; | 8230 |
| 4 | Real estate business, land use rights belonging to the owner, user or lessee. Detail: - Real estate business and office rentals; | 6810 |
| 5 | Other remaining business support service activities not classified elsewhere. Detail: Export and import of equipment, products, components, and materials related to the electronics and information technology industry, telecommunications equipment, medical electronics, and electrical appliances. Import and export of goods the company trades in. (For businesses operating in regulated sectors, enterprises may only conduct business when they meet all the conditions stipulated by law.) | 8299 |
| 6 | Wholesale of machinery, equipment and other machine parts Detail: - Business activities include trading in equipment: electrical equipment, refrigeration equipment, mechanical equipment, metal products, mineral products, rubber products, environmental treatment equipment and systems, lifting equipment, elevators, security and warning equipment, fire and explosion prevention equipment, and laboratory equipment for production, research, and training. - Trading in equipment, products, components, and materials related to the electronics and information technology industries, telecommunications equipment, medical electronics, and electrical appliances. - Trading in medical equipment and supplies. Wholesale of medical machinery and equipment | 4659 |
| 7 | Manufacture of medical, dental, orthopedic, and rehabilitation equipment and instruments. | 3250 |
| 8 | Installation of industrial machinery and equipment. Details: Installation of equipment: electrical equipment, refrigeration equipment, mechanical equipment, metalworking equipment, mineral processing equipment, rubber products, environmental treatment equipment and systems, lifting equipment, elevators, security and warning equipment, fire and explosion prevention equipment, laboratory equipment for production, research and training. Medical equipment installation | 3320 |
| 9 | Architectural and related engineering consulting activities Detail: - Consulting and design services for power lines and substations up to 500KV; Consulting and supervision of construction projects for the installation of power lines and substations up to 110 KV. Consulting and design of power line and substation projects up to 110 KV; - Architectural design of the building; - Interior and exterior design of buildings; landscape design; - Structural design of buildings; - Electrical and mechanical design for construction projects; - Water supply and drainage design; - Ventilation and heating/cooling design; - Designing information and communication networks in construction projects; - Construction planning design | 7110 |

| | | |
|----|---|------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Topographical survey; - Geological and hydrogeological surveys for engineering projects. - Supervising construction and finishing work. - Supervising the installation of construction equipment. - Supervising the installation of technological equipment. - Construction design review - Preparation and verification of construction investment projects. - Project management consulting - Construction inspection - Construction engineering experiments; - Fire protection design. - Construction investment cost management consulting - Tendering consultancy services | |
| 10 | Demolition | 4311 |
| 11 | Site preparation | 4312 |
| 12 | Other specialized construction activities | 4390 |
| 13 | Specialized design activities | 7410 |
| 14 | Electrical system installation | 4321 |
| 15 | Install other building systems Details: Construction and installation of fire protection systems. | 4329 |
| 16 | Construction of other civil engineering works. Details: <ul style="list-style-type: none"> - Construction: Civil, industrial, telecommunications, broadcasting, power lines and substations; - Construction of works: Power lines and substations up to 500KV, power plant with a capacity of up to 1000MW | 4299 |
| 17 | Other computer and information technology services Detail: <ul style="list-style-type: none"> - Providing services in the field of electronics and information technology (research and training, technology transfer, investment consulting, construction, maintenance, acting as an agent and distributor for domestic and foreign companies); | 6290 |
| 18 | Hotels and similar accommodation services Detail: <ul style="list-style-type: none"> - Hotel business (excluding bars, karaoke rooms, and nightclubs) | 5510 |
| 19 | Other remaining professional, scientific and technological activities not classified elsewhere. | 7499 |
| 20 | Retail sale of medicines, medical devices, cosmetics and hygiene products. | 4772 |
| 21 | Repair and maintenance of electronic and optical equipment. Detail: Repair of medical machinery and equipment, diagnostic equipment with display screens, measuring and testing equipment, and laboratory equipment. | 3313 |
| 22 | Other specialized wholesale trade not classified elsewhere Detail: <ul style="list-style-type: none"> - Business in fire prevention and firefighting equipment - Wholesale of scrap metal and non-metal waste. - Wholesale chemicals | 4679 |
| 23 | Basic chemical production (The company commits to not operating at its head office.) | 2011 |

| | | |
|----|---|------|
| 24 | <p>Manufacture of other chemical products not elsewhere classified. Detail:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Manufacture of other chemical products such as: production of activated carbon, additives for lubricants, catalysts for synthetic rubber, catalysts and other chemical products used in industry. <p>(The company commits to not operating at its head office.)</p> | 2029 |
| 25 | Packaging services | 8292 |
| 26 | Warehousing and goods storage (Excluding real estate business) | 5210 |
| 27 | <p>Road freight transport Details: Business of transporting goods by motor vehicle (Article 8 of Decree No. 158/2024/ND-CP, dated December 18, 2024)</p> | 4933 |
| 28 | <p>Agents, brokers, and auctioneers of goods. Detail:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sales agent; - Commodity trading broker <p>(Excluding auction activities)</p> | 4610 |
| 29 | <p>Wholesale trade (Excluding items prohibited by the State and items sold through auctions)</p> | 4690 |
| 30 | <p>Wholesale of other building materials and installation equipment. Detail:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Wholesale supplier of building bricks, tiles, stones, sand, and gravel. | 4673 |
| 31 | <p>Wholesale trade of agricultural and forestry raw materials (excluding wood, bamboo, and rattan) and live animals. (Excluding items prohibited by the State)</p> | 4620 |
| 32 | Manufacture of cement, lime, and gypsum | 2394 |
| 33 | Production of starch and starch products | 1062 |
| 34 | <p>Manufacture of products from other non-metallic minerals not elsewhere classified Detail:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Manufacture of crushed stones, grinding stones, round grinding stones and similar items, without frames, for grinding, polishing, filing or cutting, hand grinding or polishing stones; - Manufacture of abrasive powders, natural or artificial abrasive grains, with a base of textile, paper, cardboard or other materials, whether or not cut into shape or sewn or otherwise finished. | 2399 |

Recipients:

- Vietnam Electronics and Informatics Joint Stock Corporation. Add: 15 Tran Hung Dao street, Cua Nam ward, Hanoi city, Vietnam.
- Filed: Dinh Thi Hong Nhung

**SIGN FOR HEAD OF DIVISION
DEPUTY HEAD OF DIVISION**

(signed)

Nguyen Huu Luong